

# VAI TRÒ CỦA MỸ VÀ TRUNG QUỐC TRONG HỆ THỐNG QUỐC TẾ ĐƯƠNG ĐẠI (1991-2022) - Nhìn từ lý thuyết của phương Tây

VŨ VĂN ANH\*

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG\*\*

*Tóm tắt:* Hệ thống quốc tế là một dạng hệ thống xã hội có tính phi hình thức đang tồn tại và có tác động tới những chủ thể bên trong nó. Việc nhận thức về hệ thống quốc tế là điều cần thiết để mỗi quốc gia có thể thích ứng để tồn tại và phát triển. Bài viết làm rõ những khía cạnh căn bản khi phân tích hệ thống quốc tế và những nhận thức của các trường phái lý thuyết lớn - chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo - về hệ thống quốc tế. Dựa trên cơ sở lý luận đó, bài viết làm rõ vai trò của Mỹ và Trung Quốc trong hệ thống quốc tế đương đại từ năm 1991 đến 2022. Mỹ từ một siêu cường duy nhất giữ vai trò chủ đạo trong việc kiến tạo nên hệ thống quốc tế đương đại có xu hướng suy giảm tương đối bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trung Quốc từ chỗ phải thích nghi với hệ thống quốc tế trở thành một chủ thể thách thức và tham gia điều chỉnh các nguyên tắc của hệ thống quốc tế đương đại.

*Từ khoá:* Hệ thống quốc tế, Mỹ - Trung, lý luận quan hệ quốc tế, chủ nghĩa Tân Hiện thực

## 1. Một số vấn đề lý thuyết về hệ thống quốc tế

### 1.1. Khái niệm “hệ thống quốc tế”

Từ những năm 50 thế kỷ trước, G.A. Almond (1956)<sup>(1)</sup> và M.A. Kaplan (1957)<sup>(2)</sup> đã thúc đẩy cách tiếp cận “hệ thống” trong nghiên cứu chính trị học và quan hệ quốc tế. Kaplan (1957) phân chia thành sáu mô hình hệ thống quốc tế gồm: (i) Hệ thống cân bằng quyền lực, (ii) hệ thống hai cực lỏng lẻo, (iii) hệ thống hai cực chặt chẽ, (iv) hệ thống quốc tế toàn cầu, (v) hệ thống quốc tế có thứ bậc và (vi) hệ thống “veto” đơn vị hay có thể hiểu là một hệ thống không có thứ bậc (một hệ thống mà ở đó dù là nước nhỏ hay nước lớn đều có khả năng huỷ hoại các nước khác trước khi huỷ hoại bản thân). Đặc điểm của mỗi một hệ thống quốc tế sẽ được quy định bởi bốn loại chủ thể - trực tiếp/không trực tiếp và thống trị hệ thống/thống trị tiểu hệ thống với năm mô thức lựa chọn trong hành vi: (i) Tập trung vào công cụ chính sách, (ii) phân bổ phần thưởng/lợi ích, (iii) ưu tiên liên kết, (iv) hài lòng hoặc cố gắng thay đổi hệ thống, và (v) thích nghi. Nghiên cứu của Kaplan

\* TS. Khoa Quốc tế học, Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

\*\* TS. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

dù chưa đưa ra một định nghĩa rõ ràng về hệ thống quốc tế nhưng đã ban đầu định hình hai chiều cạnh phân tích của một hệ thống quốc tế: Phân bổ quyền lực và hành vi của các chủ thể mà theo ông là các quốc gia. Hai khía cạnh này cũng được luận bàn trong nhiều công trình nghiên cứu về hệ thống quốc tế sau này.<sup>(3)</sup> Bên cạnh đó, hướng nghiên cứu hệ thống quốc tế theo quan điểm của chủ nghĩa Tự do tập trung vào vai trò của các tổ chức quốc tế cũng đã bổ sung một khía cạnh phân tích quan trọng: *Các thể chế là một “chiều cạnh căn bản” và “sự vận hành” của một hệ thống quốc tế.*<sup>(4)</sup> Từ những công trình nghiên cứu này, những khía cạnh của hệ thống quốc tế cũng được luận bàn nhưng chưa có một khái niệm nào toàn diện có sức ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Cũng vì thế, dù được sử dụng ngày càng phổ biến hơn nhưng vai trò của hệ thống quốc tế vẫn còn là một câu hỏi nghiên cứu lớn cho đến cuối những năm 70.

Cho đến năm 1979, khi Kenneth N. Waltz công bố công trình “Lý thuyết chính trị quốc tế” (Theory of International Politics), khái niệm của ông về hệ thống quốc tế được coi là một khái niệm trung tâm, đầy đủ và toàn diện nhất. Quan điểm của Kenneth N. Waltz về hệ thống quốc tế dù còn nhiều tranh cãi nhưng cũng được ghi nhận như là sự khởi đầu của chủ nghĩa Tân Hiện thực (Neo-Realism) hay chủ nghĩa Hiện thực cấu trúc (Structural Realism) - “nhà lý thuyết quan hệ quốc tế quan trọng nhất trong nửa cuối thế kỷ XX”<sup>(5)</sup>. Waltz (1979) cho rằng “một hệ thống được cấu thành bởi một cấu trúc và những đơn vị tương tác”<sup>(6)</sup> và “cấu trúc không phải là một tập hợp của các thể chế chính trị mà là sự sắp xếp giữa chúng”<sup>(7)</sup>. Áp dụng trong chính trị quốc tế, một cấu trúc được định nghĩa bằng ba thành tố: (i) Nguyên tắc trật tự (ordering principles), (ii) đặc điểm của các đơn vị bên trong hệ thống hay sự khác biệt về chức năng giữa các đơn vị (units’ functional differentiation) và (iii) sự phân bổ các nguồn lực (distribution of capabilities). Về các đơn vị bên trong hệ thống quốc tế, có rất nhiều dạng chủ thể quốc tế trong một hệ thống quốc tế. Theo cách phân chia thông thường dựa trên căn cứ là quốc gia có hai nhóm chủ thể chính là quốc gia và phi quốc gia. Về nguyên tắc trật tự, luật lệ và các cam kết cùng với các tổ chức quốc tế để duy trì các cam kết và luật lệ này sẽ phản ánh nguyên tắc trật tự của hệ thống quốc tế. Đó có thể là nguyên tắc tập quyền (centralization) hay phân quyền (decentralization), có thứ bậc (hierarchy) hay vô chính phủ (anarchy).<sup>(8)</sup> Sự khác biệt về chức năng giữa các đơn vị cấu thành nên cấu trúc của hệ thống quốc tế được hiểu là khi các đơn vị thực hiện những nhiệm vụ khác nhau. Những nhiệm vụ khác nhau chính là sự phân biệt chức năng giữa các đơn vị. Cuối cùng, sự phân bổ nguồn lực - diện tích, vị trí, tài nguyên, của cải, quyền lực chính trị - chính là một trong những yếu tố làm nên thứ bậc trong hệ thống quốc tế.

*Tóm lại*, Waltz (1979) đã định nghĩa về bản chất hệ thống quốc tế bao gồm các đơn vị là các quốc gia có chủ quyền có sự tương tác với nhau dựa trên một cấu trúc được định

hình bởi các nguyên tắc trật tự, sự phân hoá chức năng giữa các đơn vị và sự phân bổ các nguồn lực.

### 1.2. Nhận thức của các trường phái lý thuyết về hệ thống quốc tế

Cuộc tranh luận về hệ thống quốc tế phát triển với những luận điểm đa dạng, chủ yếu dựa trên quan điểm lý thuyết của ba trường phái lớn: Chủ nghĩa Tân Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo.

Trong lý thuyết của Waltz (1979) về hệ thống quốc tế, nhận thức của ông về cấu trúc quốc tế đặt nền móng cho sự hình thành chủ nghĩa Tân Hiện thực. Ông cho rằng cấu trúc chính là khía cạnh quan trọng nhất của hệ thống, nhưng cấu trúc chính trị quốc tế mang đặc điểm rất khác với cấu trúc chính trị quốc gia. *Sự phân bổ các nguồn năng lực là yếu tố quyết định đến cấu trúc quốc tế.* Lập luận của Waltz bắt đầu từ quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực. *Thứ nhất*, các quốc gia có chủ quyền là những chủ thể chính và quan trọng nhất. “Các quốc gia không và chưa bao giờ là những chủ thể quốc tế duy nhất. Nhưng các cấu trúc được định nghĩa không phải bởi tất cả các chủ thể bên trong nó mà bởi các chủ thể chính. Để định nghĩa cấu trúc của một hệ thống, người ta lựa chọn một hoặc một vài đối tượng trong rất nhiều đối tượng bên trong hệ thống và định nghĩa cấu trúc dựa trên chúng. (...) Các quốc gia là những đơn vị mà tương tác giữa chúng định hình nên cấu trúc của hệ thống chính trị quốc tế.”<sup>(9)</sup>

*Thứ hai*, khác với hệ thống chính trị của quốc gia thường có tính tập quyền và có thứ bậc, nguyên tắc trật tự của hệ thống chính trị quốc tế là phân mảnh và vô chính phủ. Chính trị quốc tế được gọi là một “nền chính trị không có chính phủ”<sup>(10)</sup> dù số lượng các tổ chức quốc tế ngày càng gia tăng và có thể hoạt động hiệu quả nhưng thực tế là “... không một tổ chức nào có những thuộc tính và năng lực như các quốc gia (...), và chúng sẽ sớm cho thấy rằng chúng không có khả năng đưa ra những hành động có tính quan trọng ngoại trừ ủng hộ và ít nhất là tuân theo các quốc gia trong các vấn đề”.<sup>(11)</sup>

*Thứ ba*, chính trị quốc gia được cấu thành bởi các đơn vị chính trị khác nhau thực hiện các chức năng chuyên biệt nhưng chính trị quốc tế bao gồm “các đơn vị mô phỏng lại các hành vi của chủ thể khác”. Mặc dù các quốc gia rất đa dạng, sự khác biệt nằm ở nguồn lực nhưng không nằm ở chức năng. Các quốc gia đều tạo ra các cơ chế, thực thi các chiến lược, diễn giải luật lệ nhằm đạt được những lợi ích và bảo đảm an ninh của mình.<sup>(12)</sup> Từ đó, sự khác biệt trong nguồn lực tạo ra sự khác biệt trong quyền lực của các quốc gia, đặt các quốc gia ở những vị trí khác nhau trong hệ thống quốc tế. Sự phân bổ nguồn lực không đồng đều khiến cho các nước lớn trong hệ thống có khả năng chi phối đến chính trị quốc tế, tạo ra tình trạng vô chính phủ và các quốc gia luôn phải tự cứu mình trong hệ thống này. Như vậy, hệ thống quốc tế chi phối đến các đơn vị bên trong và tương tác giữa

chúng. Quan điểm hiện thực này của Waltz (1979) gặp phải nhiều chỉ trích bởi ông đã đơn giản hoá những tương tác trong chính trị quốc tế.

Một trong những người đặt nền móng cho quan điểm của chủ nghĩa Tự do về hệ thống quốc tế là Immanuel Kant (1784) với việc gắn hệ thống quốc tế với khế ước xã hội, ông sử dụng thuật ngữ “kế hoạch tự nhiên” (plan of nature) hướng tới một “liên hiệp dân sự hoàn hảo của loài người” mà định hướng các hành vi của con người, khiến con người tuân theo một chính thể mà ông gọi là một hệ thống.<sup>(13)</sup> Sau Kant (1784), các nhà Tự do chủ nghĩa thường tập trung nhiều vào khái niệm “xã hội quốc tế” thay vì hệ thống quốc tế. Cho đến những năm 60, 70 thế kỷ XX, khi cuộc tranh luận về hệ thống quốc tế trở nên sôi nổi, các nhà Tân tự do đã tập trung nhiều vào việc phân tích vai trò của các thể chế quốc tế. Như vậy, một hệ thống được thiết lập trong quan hệ quốc tế qua các cơ chế. Ngoài ra, những luận điểm tự do có liên quan đến hệ thống quốc tế có thể được đúc rút từ những phê phán của các học giả theo quan điểm Tự do và Tân tự do đối với lý thuyết của Waltz (1979). *Thứ nhất*, mặc dù các quốc gia có nhiều ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế nhưng không thể bỏ qua các chủ thể phi quốc gia khác, các lực lượng kinh tế và quá trình chính trị nội bộ đang ngày càng có nhiều ảnh hưởng hơn. *Thứ hai*, những lợi ích của các quốc gia là đa dạng và sự ưu tiên phụ thuộc vào từng chính quyền, đặc biệt trên khía cạnh kinh tế, mỗi một quốc gia sẽ có những chức năng khác nhau. Từ đó việc đồng nhất chức năng của các quốc gia là một sự giản lược quá mức. *Thứ ba*, mặc dù các cơ chế quốc tế có những hạn chế trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế nhưng thực tế không thể phủ nhận những cơ chế này đã và đang có những tác động nhất định đến hành vi của các chủ thể là các quốc gia. Những xung đột cũng được hạn chế về mức độ.

Luận điểm của chủ nghĩa Kiến tạo về hệ thống quốc tế xoay quanh hai vấn đề quan trọng: (i) Tính vô chính phủ của hệ thống quốc tế, và (ii) mối quan hệ giữa cấu trúc của hệ thống và các đơn vị bên trong nó. Về tính vô chính phủ của hệ thống quốc tế, Wendt đã cho rằng tình trạng vô chính phủ hình thành do nhận thức của các quốc gia<sup>(14)</sup> thay vì được nhìn nhận như bản chất của hệ thống quốc tế theo quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực. Chính vì vậy hệ thống quốc tế được cấu thành không chỉ bởi những thành tố mang tính vật chất như sự phân bổ nguồn lực giữa các quốc gia mà còn có các thành tố phi vật chất. Hệ thống quốc tế thay đổi khi nhận thức của các quốc gia thay đổi. Đây chính là một quan niệm khác biệt so với Waltz (1979). Trong khi Waltz (1979) cho rằng hệ thống quốc tế có ảnh hưởng chi phối đến các quốc gia và sự tương tác giữa các quốc gia thì chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng ảnh hưởng này có tính hai chiều. Các cấu trúc có ảnh hưởng đến các chủ thể và các chủ thể cũng ảnh hưởng định hình nên cấu trúc.

Có thể thấy nhận thức về hệ thống quốc tế rất đa dạng xoay quanh các câu hỏi lớn như: (i) Đơn vị tương tác của hệ thống chỉ bao gồm các quốc gia có chủ quyền hay còn có các

chủ thể phi quốc gia khác? (ii) Nguyên tắc trật tự như vô chính phủ là bản chất hay có thể được kiểm chế với vai trò của các thể chế quốc tế, sự thay đổi nhận thức và các yếu tố phi vật chất?, và (iii) Chức năng của các chủ thể có khác nhau hay không? Dù nhận thức về hệ thống quốc tế như thế nào, những thành tố căn bản của hệ thống quốc tế mà Waltz (1979) đề xuất vẫn là những khía cạnh phân tích căn bản khi phân tích hệ thống quốc tế.

## 2. Vai trò của Mỹ và Trung Quốc trong hệ thống quốc tế đương đại

Nhận thức về vai trò khác nhau của mỗi chủ thể trong hệ thống quốc tế là nhận thức về sự phân hoá chức năng giữa những chủ thể đó trong hệ thống quốc tế. Để xem xét vai trò của các chủ thể đối với hệ thống quốc tế, có thể tạm phân chia thành các vai trò chính dựa trên hành vi tác động của chủ thể đối với hệ thống quốc tế bao gồm: (i) Kiến tạo, (ii) thích nghi, (iii) củng cố, (iv) thách thức, và (v) điều chỉnh, thay đổi. *Thứ nhất*, những chủ thể kiến tạo nên hệ thống là những chủ thể có đóng góp quan trọng trong việc định hình nên các nguyên tắc trật tự của hệ thống. Những chủ thể này thường là những quốc gia có chủ quyền sở hữu ưu thế về nguồn lực và đã thực thi quyền lực cấu trúc thông qua các cơ chế song phương và đa phương. *Thứ hai*, những chủ thể đóng vai trò thích nghi đối với hệ thống thường là những chủ thể có nguồn lực hạn chế hơn. Hệ thống hiện hành có thể không gây bất lợi nhiều cho những chủ thể đó khiến chúng thường tìm cách thích nghi hơn là thay đổi hoặc điều chỉnh nó. *Thứ ba*, những chủ thể đóng vai trò chủ thể ủng hộ góp phần vào việc củng cố hệ thống thường là những chủ thể nhận được nhiều lợi ích từ hệ thống quốc tế hiện hành. Những nguyên tắc của hệ thống này có thể thúc đẩy cho sự phát triển của nhóm chủ thể này. *Thứ tư*, đối với những chủ thể mà hệ thống quốc tế có tác động kìm hãm thay vì thúc đẩy sự phát triển đối với họ, họ sẽ đóng vai trò như những chủ thể thách thức hay ở mức độ cao hơn là những chủ thể thay đổi luật chơi của hệ thống.

Vai trò của Mỹ và Trung Quốc trong hệ thống quốc tế đương đại (1991-2022) có sự thay đổi vai trò giữa những nhóm vai trò nêu trên. Có thể tạm chia thành các giai đoạn tương đối về thời gian như sau:

*Thứ nhất, giai đoạn 1991-2001, Mỹ với vai trò quốc gia kiến tạo trong khi Trung Quốc là chủ thể thích nghi với một hệ thống quốc tế mới hình thành sau Chiến tranh Lạnh.*

Vai trò kiến tạo của Mỹ thể hiện ở sự hình thành và thúc đẩy các cơ chế toàn cầu với vai trò sáng lập và trung tâm của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh. Những cơ chế này có xu hướng mở rộng về phạm vi địa lý khi kết nối nhiều đơn vị là các quốc gia tham gia và từ đó cũng bao hàm những nguyên tắc trật tự cho hệ thống quốc tế. Về kinh tế, hệ thống quốc tế đã nhanh chóng được định hình bởi các nền kinh tế phát triển trong nhóm G7. Ngân hàng thế giới (WB) đóng vai trò điều phối các chính sách về kinh tế, Quỹ Tiền tệ quốc tế đóng vai trò điều phối các hợp tác tiền tệ toàn cầu trong khi Hiệp định chung về

Thuế quan và Thương mại (GATT), sau này là Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đóng vai trò như xương sống của hệ thống thương mại đa phương do Mỹ lãnh đạo. Những cơ chế này thúc đẩy nguyên tắc vận hành của hệ thống quốc tế (i) lấy đồng USD làm trung tâm, (ii) thúc đẩy thương mại tự do, (iii) thúc đẩy kinh tế thị trường, và cuối cùng (iv) thúc đẩy vai trò của Mỹ cùng các đồng minh trong điều phối các hoạt động kinh tế toàn cầu. Về an ninh, hệ thống an ninh chính trị quốc tế được định hình với vai trò lớn của Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc - năm thành viên thường trực có quyền phủ quyết trong tổ chức hợp tác an ninh quyền lực nhất dựa trên nguyên tắc an ninh tập thể là Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSC). Cụ thể, trong chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc, chỉ Hội đồng Bảo an mới có quyền sử dụng các biện pháp quân sự vì mục đích duy trì hòa bình và an ninh quốc tế nếu như các biện pháp trừng phạt không thể giải quyết được vấn đề (chương VII điều 42). Cho đến nay, vẫn chưa có một cơ chế an ninh ở cấp độ toàn cầu nào có thể thay thế cho UNSC. Nguyên tắc đồng thuận với quyền phủ quyết thúc đẩy một hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ và trạng thái cân bằng quyền lực giữa các cường quốc. Cấu trúc an ninh khu vực được định hình chủ yếu dựa trên nguyên tắc phòng thủ tập thể. Điển hình là Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) nằm ở khu vực châu Âu có xu hướng mở rộng và các liên minh song phương trực và nan hoa của Mỹ với các quốc gia ở khắp các khu vực trên thế giới, đặc biệt là Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngoài ra, ngày 27/6/2000 đánh dấu một sự thay đổi trong cấu trúc chính trị khi Mỹ xây dựng Cộng đồng các nền dân chủ (CD) gồm 24 quốc gia để thúc đẩy một cách chính thức các giá trị dân chủ nhân quyền trở thành một quy chuẩn trong hệ thống quốc tế đương đại.

Trong giai đoạn này, Trung Quốc có xu hướng tập trung vào những vấn đề nội bộ, mở rộng các liên kết song phương và thích nghi với hệ thống quốc tế mới. Từ năm 1991 đến 1994, Trung Quốc đã bình thường hóa hoặc thiết lập quan hệ ngoại giao thêm với 18 quốc gia. Sau đó, vào những năm 90, Trung Quốc bắt đầu dựa trên các mối quan hệ mới này để thiết lập nhiều cấp độ quan hệ đối tác nhằm tạo điều kiện cho hợp tác kinh tế và an ninh. Cũng từ giữa những năm 90, Trung Quốc đã mở rộng các mối quan hệ song phương về lượng lẫn chất, gia nhập nhiều hiệp ước thương mại và an ninh, tham gia sâu hơn vào các tổ chức đa phương quan trọng và giúp giải quyết các vấn đề an ninh toàn cầu.<sup>(15)</sup> Điều này cho thấy Trung Quốc trong giai đoạn này muốn tranh thủ nguồn lực của phương Tây, nói lại quan hệ bị rạn nứt sau sự kiện Thiên An Môn và muốn gia nhập WTO nên cũng chấp nhận vai trò của Mỹ trong hệ thống quốc tế.

*Thứ hai, giai đoạn 2001-2009, Mỹ với vai trò là nhân tố thay đổi hệ thống trong khi Trung Quốc vẫn tiếp tục thích nghi dù những mâu thuẫn bắt đầu được hình thành.*

Sự vận hành của hệ thống thế giới vẫn dựa trên các cơ chế toàn cầu chủ chốt được củng cố của giai đoạn trước. Ngoài ra, sự xuất hiện của một vài nhóm, cơ chế đa phương của Nga, Trung Quốc và các nền kinh tế mới nổi đánh dấu một sự khởi đầu của giai đoạn chuyển đổi mới dù chưa có những thay đổi thực chất. Vai trò chủ thể thay đổi cuộc chơi của Mỹ thể hiện ở sự trỗi dậy của chủ nghĩa đơn phương của Mỹ dưới chính quyền Tổng thống George Bush. Mặc dù những dấu hiệu của chủ nghĩa đơn phương xuất hiện từ cuối thế kỷ XX với sự can thiệp của Mỹ và NATO trong chiến tranh Kosovo năm 1999 bất chấp sự không đồng thuận của Hội đồng Bảo an. Đây là một tiền lệ nguy hiểm đối với hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ và đa phương mà Mỹ đã nỗ lực kiến tạo trong một thập kỷ trước đó. Sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ đã tiến hành cuộc chiến chống khủng bố dưới nhiều phương thức và biện pháp khác nhau và bị sa lầy trong cuộc chiến chống khủng bố tại Iraq và Afghanistan. Kết quả Mỹ đạt được cũng hạn chế so với mục tiêu đề ra trong khi cái giá mà Mỹ phải trả là thể và lực của Mỹ bị ảnh hưởng đáng kể. Mặc dù hiện nay, chưa có đầy đủ lý lẽ thuyết phục rằng hai cuộc chiến tranh Iraq và Afghanistan là nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng kinh tế ở Mỹ bắt đầu từ năm 2008, nhưng hai cuộc chiến tranh này và những hệ lụy kèm theo đã gây ra gánh nặng rất lớn cho nền kinh tế Mỹ. Tóm lại, sa lầy vào cuộc chiến chống khủng bố, siêu cường Mỹ dưới thời George W. Bush đã đánh mất thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI vào tay Trung Quốc. Đây chính là tiền đề cho sự thay đổi của hệ thống quốc tế trên khía cạnh phân bổ nguồn lực. Tranh thủ thời cơ, Trung Quốc đã tập trung vào việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, thúc đẩy can dự nhiều hơn vào Đông Á, tranh thủ từng bước qua mặt Mỹ tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mặc dù có một số dấu hiệu ban đầu về những hành vi thách thức hệ thống nhưng Trung Quốc vẫn đi theo những nguyên tắc cơ bản mà chưa có sự chống đối rõ ràng.

*Thứ ba, giai đoạn 2009-2017, Trung Quốc có xu hướng chuyển thành một nhân tố thách thức hệ thống quốc tế trong khi Mỹ phải quay lại với vai trò là quốc gia củng cố hệ thống.*

Sau hai nhiệm kỳ của Tổng thống George W. Bush, Barack Obama đã thay đổi cách tiếp cận về vị thế của nước Mỹ hiện nay do ưu thế vượt trội của Mỹ không còn như trước, so sánh lực lượng đã thay đổi bất lợi cho Mỹ, xu hướng đa cực đang tăng lên. Do vậy, để duy trì vị thế của mình cần phải ưu tiên sử dụng các biện pháp ngoại giao hơn là sử dụng quyền lực cứng, đề cao chủ nghĩa đa phương hơn là chủ nghĩa đơn phương. Một dấu ấn của vị tổng thống thuộc Đảng Dân chủ này là coi trọng việc thiết lập quan hệ hợp tác với các nền kinh tế mới nổi ở châu Á. Trong đó các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia là những đối tác được ưu tiên bởi những quốc gia này ngày càng có ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế. Mỹ hợp tác như vậy là nhằm lôi kéo các nước này vào hệ thống quốc tế do Mỹ và phương Tây chi phối và để duy trì vị thế dẫn đầu của Mỹ trong cấu trúc quyền lực quốc tế của một thế giới đang biến đổi

Trong khi Mỹ có những nỗ lực củng cố hệ thống quốc tế, Trung Quốc cũng có những nỗ lực xây dựng các thể chế hợp tác thương mại đa phương ở khu vực với vai trò lãnh đạo của mình nhằm thay đổi cấu trúc quyền lực khu vực đang có lợi cho Mỹ. Ví dụ như sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI) đầy tham vọng của Trung Quốc nhằm định hình lại kinh tế toàn cầu trong thế kỷ XXI bằng việc kết nối các nền kinh tế Á - Âu - Phi thông qua một mạng lưới giao thông và cơ sở hạ tầng mạnh mẽ chưa từng có<sup>(16)</sup> hay hình thành Ngân hàng Đầu tư hạ tầng cơ sở châu Á. Những chính sách này phản ánh ý chí của Trung Quốc trong cạnh tranh quyền lực cấu trúc kinh tế. Trong chuyến thăm Mỹ vào tháng 6/2013, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đề xuất ý tưởng xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới” với Mỹ sau khi Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới cho thấy tham vọng được chia sẻ quyền lực với Mỹ trong hệ thống quốc tế đương đại. Cách tiếp cận của Trung Quốc về khái niệm “quan hệ nước lớn kiểu mới” được Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình nhấn mạnh là quan hệ trong đó các nước lớn không xung đột, không đối đầu, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác cùng thắng. Như vậy, ý đồ của Trung Quốc muốn hình thành một cấu trúc mới theo kiểu hai cực (G2) trong đó Trung Quốc và Mỹ cùng gây ảnh hưởng với khu vực và thế giới. Cách tiếp cận này của Trung Quốc đã thể hiện mong muốn thách thức sự lãnh đạo của Mỹ trong hệ thống quốc tế.

*Thứ tư, giai đoạn 2017-2022, Mỹ có sự điều chỉnh nhằm thay đổi hệ thống để kiểm chế Trung Quốc trong khi Trung Quốc cũng có xu hướng muốn thay đổi hệ thống nhưng với một tâm nhìn khác biệt.*

Kể từ khi Tổng thống Donald Trump chính thức nắm quyền, nước Mỹ đã chứng kiến những sự thay đổi căn bản về cả chính sách đối nội lẫn đối ngoại, trong đó nhấn mạnh việc đặt lợi ích nước Mỹ lên trên hết, tiến hành nhiều bước đi nhằm xóa bỏ các di sản của Chính quyền Obama (rút khỏi TPP, thúc đẩy việc xóa bỏ chương trình Obamacare...) cũng như tập trung xử lý vấn đề thâm hụt thương mại của Mỹ với các nước. Trong bản báo cáo về Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Bộ Quốc phòng Mỹ công bố vào ngày 1/6/2019, bốn nguyên tắc chủ đạo bao gồm: (i) Tôn trọng chủ quyền và độc lập của tất cả các quốc gia, (ii) Giải quyết các tranh chấp một cách hoà bình, (iii) Thương mại tự do, công bằng và đối đẳng dựa trên đầu tư mở, các hiệp định minh bạch và sự kết nối, (iv) Tuân thủ các luật lệ và chuẩn tắc quốc tế, bao gồm những luật lệ và chuẩn tắc về tự do hàng hải và hàng không.<sup>(17)</sup> Và để bảo đảm các nguyên tắc trên, chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở (FOIP) định hướng triển khai chính sách bằng những sự chuẩn bị về năng lực quốc gia, xây dựng và củng cố các mối quan hệ đối tác của Mỹ và thúc đẩy một khu vực liên kết thông qua các sáng kiến ngoại giao, xây dựng năng lực quản lý, hợp tác kinh tế và ủng hộ thương mại, và hợp tác quân sự<sup>(18)</sup>. Bên cạnh những định hướng trong hợp tác, chính quyền Tổng thống Donald Trump cũng thể hiện quan



điểm kiên quyết và cứng rắn hơn đối với Trung Quốc. Quan điểm này được thể hiện rõ thông qua cuộc chiến tranh thương mại với Trung Quốc, việc Mỹ tuyên bố rút khỏi các thoả thuận kiểm soát vũ khí như Hiệp định Lực lượng hạt nhân tầm trung (INF) và START nếu như không có Trung Quốc. Bên cạnh an ninh, Mỹ hướng tới một khuôn khổ hợp tác kinh tế mới với châu Á - Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF), Đối tác về Cơ sở hạ tầng và Đầu tư Toàn cầu (PGII) thay vì quay trở lại Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP (mà nay đã đổi tên thành Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP). Điều này đã dẫn đến những tác động có tính điều chỉnh đối với hệ thống quốc tế.

Trong giai đoạn này, Trung Quốc cũng có xu hướng chuyển từ thách thức đến những hành vi có tác động điều chỉnh rõ ràng hơn tới hệ thống quốc tế. Bên cạnh Vành đai và Con đường (BRI) trước đó Trung Quốc đã khẳng định vai trò của mình không chỉ trong hệ thống kinh tế quốc tế mà còn trong an ninh và phát triển. Về phát triển, năm 2021, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình công bố trước Đại hội đồng Liên hợp quốc về Sáng kiến Phát triển toàn cầu (GDI) đặt trọng tâm vào các dự án cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững thông qua các khoản cho vay và xây dựng năng lực. Về an ninh, năm 2022, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tiếp tục công bố đề xuất Sáng kiến An ninh Toàn cầu (GSI) dựa trên nguyên tắc an ninh không chia rẽ, hướng đến mục tiêu xây dựng một kiến trúc an ninh cân bằng hơn.

Có thể thấy, đến nay Mỹ và Trung Quốc đều đang nỗ lực điều chỉnh nhằm kiến tạo một hệ thống quốc tế phù hợp với các giá trị và lợi ích quốc gia của mình.

### **Kết luận**

Có thể nhận thấy rằng dù có nhiều quan điểm khác nhau về hệ thống quốc tế và vai trò của nó đối với quan hệ quốc tế nhưng có sự thừa nhận chung rằng hệ thống quốc tế là một dạng hệ thống xã hội có tính phi hình thức đang tồn tại và có tác động tới những chủ thể bên trong nó. Việc nhận thức về hệ thống quốc tế là điều cần thiết để mỗi quốc gia có thể thích ứng để tồn tại và phát triển. Hệ thống quốc tế được hình thành bởi những nguyên tắc luật lệ và sự phân hoá chức năng giữa các quốc gia - chủ thể quốc tế chính. Cả hai yếu tố này chịu ảnh hưởng rất lớn của sự phân bổ năng lực giữa các quốc gia.

Mỹ và Trung Quốc nằm trong nhóm các cường quốc có ưu thế lớn về năng lực nên có vai trò quan trọng đối với hệ thống quốc tế đương đại từ năm 1991 đến 2022. Trong khi Mỹ từ một siêu cường duy nhất trong thập niên cuối của thế kỷ XX nắm vai trò chủ đạo trong việc kiến tạo nên hệ thống quốc tế đương đại có xu hướng suy giảm tương đối bởi sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc thì Trung Quốc từ một quốc gia có năng lực hạn chế trong so sánh với Mỹ, phải thích nghi với hệ thống quốc tế, đang trở thành một chủ thể

thách thức và tham gia vào điều chỉnh các nguyên tắc của hệ thống quốc tế đương đại. Cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung có thể được nhìn nhận từ những nỗ lực điều chỉnh để dẫn dắt hệ thống này. Cuộc cạnh tranh này khiến cho hệ thống quốc tế đã và đang không ngừng vận động và thay đổi.

\* Bài viết là kết quả của Đề tài cấp bộ “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về Hệ thống thế giới”.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- (1) G.A. Almond, 1956, *Comparative Political Systems*, The Journal of Politics, 18 (3), 391–409.
- (2) M.A. Kaplan, 1957, *System and Process in International Politics (ECPR Classics Series)*, ECPR Press
- (3) J.N. Rosenau, 1963, *The Functioning of International Systems*, Background, 7(3), 111–117; J.J. Tierney, 1972, *The Use of Systems Theories in International Political Analysis*, World Affairs, 134 (4), 306-324
- (4) O. R. Young, 1968, *The United Nations and the International System*, International Organization, 22 (4), 902–922; S. Hoffmann, 1970, *International Organization and the International System*, International Organization, 24(3), 389–4133
- (5) J. Mearsheimer, 2009, *Reckless States and Realism*, International Relations, 23(2), 241-256, 241
- (6) K. N. Waltz, 1979, *Theory of international politics*, Addison-Wesley Pub, p.79
- (7) K. N. Waltz, 1979, tldd, p.81
- (8) K. N. Waltz, 1979, tldd, , p.88
- (9) K. N. Waltz, 1979, tldd, , pp 93-95
- (10) W.T.R. Fox, 1959, *The use of international relations theory* trong Fox (ed.), *Theoretical Aspects of International Relations*, Notre Dame: University of Notre Dame Press, 35
- (11) K. N. Waltz, 1979, tldd, p. 88
- (12) K. N. Waltz, 1979, tldd, p. 96
- (13) Immanuel Kant, 1784, *An Idea for a Universal History with a Cosmopolitan Purpose*, trong H. Reiss (ed.), 1990, *Kant's Political Writings*, Cambridge: Cambridge University Press, p.52
- (14) A. Wendt, 1992, *Anarchy is what States Make of it: The Social Construction of Power Politics*, International Organization, 46(2), 391–425
- (15) Evan S. Medeiros, M. Taylor Fravel, 2003, *China's New Diplomacy*, Foreign Affairs, 11-12, 22-35.
- (16) Hugh White, 2017, *China's One Belt, One Road to challenge US-led order*, The Straits Time, <https://www.straitstimes.com/opinion/chinas-one-belt-one-road-to-challenge-us-led-order>
- (17) The Department of Defense, 1/6/2019, *Indo-Pacific Report: Preparedness, Partnerships, and Promoting a Networked region*, p.4 .
- (18) Department of Defense, 1/6/2019, *Indo-Pacific Report: Preparedness, Partnerships, and Promoting a Networked region*, p.6.